

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢN BẠ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/03/2021

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Hoàng Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Chân Bính

2. Bà Đào Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, về việc *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chu Minh C; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N; Địa chỉ: Tổ 03, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/10/2020; bản tự khai ngày 14/10/2020 và quá trình giải quyết ông Chu Minh C khai:

Ông và bà Trần Thị N kết hôn ngày 21/5/2011 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm và cách sống bất đồng không phù hợp, mỗi người đều có con riêng, tài sản riêng, hàng năm mỗi dịp lễ tết bà N không lo toan bàn bạc cùng chồng con tổ chức lo toan cho gia đình cho cuộc sống chung mà phó mặc kê ông lo toan và trong cuộc sống hàng ngày bà N không tôn trọng ông, bà N đi đâu

làm gì đều không cho ông biết tự làm theo ý thích của mình, tự quyết mọi vấn đề mà không bàn bạc vợ chồng thống nhất. Ngoài ra năm 2019 bà N nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người khác nên có nói chuyện với người này người kia là ông ngoại tình đã làm ảnh hưởng đến danh dự bản thân ông. Do không có tiếng nói chung, chung sống không hòa hợp nên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay.

Về con chung: Không có.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết bà N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N xác nhận bà và ông C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2011 tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn cuộc sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng không đánh đập, cãi chửi nhau, chỉ có thời gian mấy năm gần đây ông C đi đâu làm gì thì không cho bà biết, khi hỏi thì ông nói không đúng nên bà có nói với ông C là phải tôn trọng bà đi đâu làm gì thì cho bà biết, sau đó thì ông C tự ái bỏ về nhà riêng tại thôn N, xã Q ở. Đối với nội dung ông C trình bày về việc bà nói chuyện với người khác là ông C ngoại tình thì bà không được nói với ai về nội dung này, chỉ có những người ở ngoài xã hội bàn tán nói với nhau về việc ông C có quan hệ với người khác. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày có thể khắc phục được mặt khác bà vẫn có tình cảm với ông C, trong thời gian qua bà cũng đã có những biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hiện nay vẫn chưa có kết quả, bà mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để vợ chồng nương tựa, chăm sóc nhau lúc tối già.

Về con chung: Bà N xác nhận bà và ông C không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Ông C giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn với bà N.

- Bà N giữ nguyên quan điểm: Không nhất trí ly hôn.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành thu thập chứng cứ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các quyết định, văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành

phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đảm bảo vô tư khách quan, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và có mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy ông C khởi kiện xin ly hôn bà N là có căn cứ, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn xảy ra đã hơn 03 năm nay và ông bà đã sống ly thân nhau được gần 02 năm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xử cho ông Chu Minh C được ly hôn với bà Trần Thị N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án ông C công chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Chu Minh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị N có địa chỉ: Tổ 03, thị trấn T, huyện Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Ông Chu Minh C và bà Trần Thị N đăng ký kết hôn ngày ngày 21/5/2011 tại UBND xã Q do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa ông C và bà N là hợp pháp được pháp luật công nhận.

[5] Xét về yêu cầu ly hôn của ông Chu Minh C: Trong quá trình giải quyết vụ án ông C có trình bày những mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm và cách sống bất đồng không phù hợp, mỗi người đều có con riêng, tài sản riêng, bà N không lo toan cho gia đình và cuộc sống chung, không tôn trọng ông và bà N đi nói với nhiều người là ông có quan hệ tình cảm với người khác làm ảnh hưởng đến danh dự của ông. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng ông C bà N tại nơi cư trú thì chính quyền địa phương,

hàng xóm láng giềng đều xác nhận ông C, bà N không thấy có mâu thuẫn cãi chửi nhau, đã sống ly thân từ cuối năm 2019 nhưng không biết lý do gì mà hai ông bà sống ly thân, ông C bà N cũng chưa đề nghị chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn lần nào. Tại phiên tòa ông C xác nhận cuộc sống hàng ngày ông bà cũng không cãi chửi nhau hay có những hành vi bạo lực gia đình vì cũng tuổi cao và tôn trọng nhau. Tuy nhiên do bà N không tin tưởng ông nên dẫn đến mâu thuẫn, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng đã sống ly thân, từ khi sống ly thân thì không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra trong quá trình giải quyết bà N cũng trình bày xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là hiểu nhầm câu nói của ông C đối với bà, bà có nhắc ông C đi đâu, làm gì thì cho bà biết để vợ chồng quan tâm chăm sóc nhau, nhưng ông C hiểu nhầm cho rằng bà không tôn trọng ông và nghi ngờ bà nói với người khác là ông có quan hệ với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông nên ông C tự ái bỏ về nhà riêng của ông ở dẫn đến vợ chồng không còn điều kiện quan tâm chăm sóc nhau, thời gian ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân bà có liên hệ với ông C để khắc phục mâu thuẫn nhưng ông C không chấp nhận hàn gắn và cũng không nhất trí để bà về chung sống, ông C không còn quan tâm đến bà, mặc dù bà vẫn còn tình cảm với ông C, những ngày lễ, tết bà đều sang chơi với các con ông C.

[6] Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông C bà N có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân đã lâu từ tháng 9 năm 2019 đến nay nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của ông C là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông C.

[7] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận không có con chung

[8] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông C phải chịu án phí Ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Chu Minh C được ly hôn với bà Trần Thị N.
2. Về con chung: Không có
3. Tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chu Minh C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 05197 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị ông C, bà N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quản Bạ;
- Các đương sự;
- CC THADS TP HG;
- UBND xã Q;
- Lưu HS
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Hoàng Trung